

TÒA ÁN NHÂN DÂN

THÀNH PHỐ T

TỈNH THANH HÓA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 324 /2018/HS-ST

Ngày: 30/11/2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T - TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà **Lê Thị Hoa**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Tiến
2. Bà Nguyễn Thị Loan (giáo viên)

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thanh Xuân - là Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố T, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát Thành phố T,, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà:
Bà Hoàng Thị Ngọc An - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố T, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 388/2018/TLST- HS ngày 02 tháng 11 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 307/2018/QĐXXST- HS ngày 08 tháng 11 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 86 ngày 22 tháng 11 năm 2018, đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Q, sinh năm 1981; Đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Số , phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hoá; nghề nghiệp: lao động tự do; văn hoá: 11/12; giới tính: nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; con ông: Nguyễn Kim N và bà Nguyễn Thị L(tên gọi khác Nguyễn Thị P) đã chết; chồng: Nguyễn Hữu D (đã ly hôn); có 02 con lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: không; bị cáo đang áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo có mặt tại phiên toà.

- Bị hại: Hoàng Thùy G - sinh năm 2004 (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp cho bị hại: Lê Thị D– Sinh năm 1978 (vắng mặt)

Cùng nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Phố Q, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hoá.

-Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Lê Thị D – Sinh năm 1978 (vắng mặt);
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Phố Q, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 4/2018, chị Lê Thị D trú tại Phố Q, phường Đ, thành phố T có nợ tiền của Nguyễn Thị Q số tiền 13 triệu đồng. Q đã nhiều lần đến nhà gặp chị D để đòi nợ, chị D không có tiền nên nhiều lần khát nợ. Sáng ngày 02/5/2018 Q đến gặp D và nói “Chị hèn em hôm nay trả tiền, chị mà không trả thì chiều nay em sang lấy đồ” khoảng 16h cùng ngày Q đến nhà chị D nhưng không gặp chị D, lúc này chỉ có cháu Hoàng Thùy G sinh năm 2004 ở nhà, Q nói với cháu G “ Gọi điện cho mẹ cháu về”. Cháu G trả lời “ Cháu không có điện thoại” Q nói tiếp “ Cô nói với mẹ sáng nay rồi, cô đợi mẹ cháu đến 17h chiều, nếu mẹ không về thì cô bắt nợ” Sau đó Q đi ra ngoài gọi điện cho Nguyễn Thế T sinh năm 1993 trú tại 25C Nguyễn S phường Đ, thành phố T (là cháu họ của Q) Q nói với T “Cháu lái xe ô tô đến 02/26 4 phố Q, phường Đ, thành phố T chở hộ cho cô ít đồ” T nghe Q nói vậy đồng ý đến trở và không hỏi rõ đồ ở đâu mà có. Khoảng 30 phút sau T lái xe đến địa chỉ Q đã thông báo, khi T đến, Q nhờ thêm một người nam giới đi qua đường (không biết tên địa chỉ) cùng vào trong nhà D để khiêng đồ. Lúc này cháu G thấy Q quay lại nhà cùng với hai người đàn ông nên cháu sợ không phản ứng gì mà lên giường lấy chăn trùm kín đầu. Q nói với T và người đàn ông khiêng tủ lạnh và ti vi ra xe sau đó chở đến nhà Nguyễn Văn M , sinh năm 1980 có địa chỉ số nhà 66 đường L, phường Đ, thành phố T để gửi. Cùng lúc này anh Lê Ngọc Đ (bạn của D) sinh năm 1972 trú tại số nhà 114 phố L, phường Đ, thành phố T đi qua thấy xe ô tô chở đồ từ trong nhà chị D đi ra nên đã đi vào nhà thì được cháu G cho biết Q cùng hai người nam giới đến nhà bắt đồ. Anh Đ liền gọi điện thoại thông báo cho chị D biết và đi theo hướng xe ô tô. Khi đi đến số nhà 66 đường L phường Đ, thành phố T thì nhìn thấy 02 nam thanh niên đang khiêng tủ lạnh từ trên xe xuống. Chị D về nhà thấy tài sản là 01 ti vi Sony 40 in và 01 tủ lạnh Panasonic màu xám trị giá khoảng 19 triệu đồng đã bị lấy đi nên đã đến công an phường Đ trình báo sự việc, vụ việc đã được chuyển đến cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố T.

Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố T đến số nhà 66 đường L, phường Đ, thành phố T là nhà của anh Nguyễn Văn M sinh năm 1980 để thu giữ 01 tivi Sony 40 in và 01 tủ lạnh Panonic màu xám là tài sản mà Nguyễn Thị Q lấy từ nhà chị D.

Ngày 12/6/2018 Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thành phố T đã định giá và kết luận giá trị chiếc ti vi Sony là 6.000.000đ, chiếc tủ lạnh loại 350 lit giá 6.300.000đ. Tổng giá trị tài sản 12.300.000đ

Quá trình điều tra cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố T đã tiến hành ghi lời khai của Nguyễn Thế T kết quả điều tra Túng cho biết chiếc tivi và tủ lạnh là do Q chiếm đoạt của chị D. Do đó không có căn cứ để xử lý.

Đối với Nguyễn Văn M, ban đầu M đã có bản tự khai và khai báo ngày 2/5/2018 Q có mang đến nhà M gửi 01 ti vi Sony 40 in và 01 tủ lạnh panaso nic M không biết số tài sản trên ở đâu. Thời gian sau đó M vắng mặt tại địa phương do đó không ghi lời khai được. Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố T không đủ cơ sở để xử lý.

Đối với người nam giới đi qua đường Nguyễn Thị Q đã nhờ vào khiêng tài sản của gia đình chị D, do Q không biết tên tuổi, địa chỉ của người này nên cơ quan cảnh sát điều tra không ghi lời khai được và không có căn cứ để xử lý.

Ngày 10/10/2018, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại số tài sản trên cho chị Lê Thị D.

Tại bản cáo trạng số 298/CT-VKS-KT ngày 05 tháng 11 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố T, tỉnh Thanh Hoá truy tố Nguyễn Thị Q về tội “ Công nhiên chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 172 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát Thành phố T, tỉnh Thanh Hoá luận tội vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 172, điểm h, i, n, s khoản 1 Điều 51; điểm i khoản 1 Điều 52; Điều 65 của Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, người làm chứng tang vật thu được trong vụ án cùng các chứng cứ, tài liệu khác thu thập được phản ánh trong hồ sơ. Đủ cơ sở chứng minh: Khoảng 17h ngày 02/5/2018, Nguyễn Thị Q đến gia đình chị Lê Thị D ở pho Q, phường Đông Vệ, thành phố T. Khi Q đến chị D không có nhà chỉ có cháu Hoàng Thùy G, sinh năm 2004, sau khi Q yêu cầu cháu Giang gọi điện cho mẹ (là chị D về), cháu G nói là không có điện thoại. Q đã gọi điện cho Túng và nhờ 01 nam giới qua đường vào nhà

chị Dung lấy 01 ti vi hiệu Sony 40 in và 01 tủ lạnh hiệu Panasonic trị giá 12.300.000đ, sau đó mang đến gia đình anh Nguyễn Văn M gửi giữ.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát luận tội và giữ nguyên quyết định truy tố Nguyễn Thị Q về tội “ Công nhiên chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 172 của Bộ luật hình sự như nội dung cáo trạng đã nêu là có căn cứ và phù hợp với qui định của pháp luật. Bị cáo không có tranh luận, lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

Căn cứ vào lời khai nhận tội của bị cáo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi phạm tội của Nguyễn Thị Q có đầy đủ dấu hiệu cấu thành tội “Công nhiên chiếm đoạt tài sản” tội phạm và hình phạt được qui định tại khoản 1 Điều 172 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát truy tố các bị cáo là đúng người đúng tội đúng pháp luật.

[2] *Về nhân thân, trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:* Do muốn thu nợ của cá nhân, bị cáo đến nhà chị D chỉ có cháu Giang ở nhà nên đã lợi dụng hoàn cảnh điều kiện không có khả năng ngăn cản của người quản lý tài sản để chiếm đoạt tài sản một cách công khai, bị cáo đã ung dung thực hiện hành vi chiếm đoạt một cách trái pháp luật. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân, gây mất trật tự trị an nơi khu vực, là hành vi nguy hiểm cho xã hội, do vậy phải được xử lý nghiêm mới có tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội đối với người dưới 16 tuổi nên phải chịu tình tiết tăng nặng theo điểm i khoản 1 Điều 52 của BLHS.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội thành khẩn khai báo, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, khi phạm tội là phụ nữ có thai, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được qui định tại điểm h, i, n, s khoản 1 Điều 51 của BLHS. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã nêu trên, nghĩ nên chưa cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội, cho bị cáo được cải tạo tại địa phương, để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà sửa chữa sai phạm của mình, trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[3] *Về trách nhiệm dân sự:* Sau khi bị cáo chiếm đoạt 01 ti vi nhãn hiệu Sony 40 in, 01 tủ lạnh nhãn hiệu Panasonic hiện cơ quan điều tra công an thành phố Thanh Hóa đã thu giữ trả lại cho bị hại đầy đủ. Bị hại không yêu cầu gì nên không xem xét.

[4]. *Về án phí:* Bị cáo phải chịu án phí HSST theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 172; điểm h, i, n, s khoản 1 Điều 51; Điểm i khoản 1 Điều 52, khoản 1,2 và 5 Điều 65 BLHS; khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội qui định mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Nguyễn Thị Q phạm tội “Công nhiên chiếm đoạt tài sản”

Xử phạt: Nguyễn Thị Q 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về trách nhiệm dân sự: Công nhận phần dân sự đã giải quyết xong.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu 200.000đ

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, bị cáo có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 7,9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị hại, người đại diện hợp pháp cho bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận

- B/c, bị hại, người có QLNVLQ
- VKSND TPTH;
- Công an TP.TH;
- Thi hành án thành phố T
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Lê Thị Hoa

Nơi nhận

- Bị cáo;
- VKSND TP;
- Công an TP.TH;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Hoa

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân

Chủ toạ

